

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 7 - 2021
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Công Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh và ông Đàm Chí Thân.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Xóm 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh Phạm Thành T1, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Xóm 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh. *Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Thành T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11

tháng 3 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại xóm 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng nhau trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Ngoài ra do anh T1 không chịu khó làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè, không lo lắng quan tâm gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Thành T1.

Về con chung: Chị và anh Phạm Thành T1 có một con chung là cháu Phạm Minh T2, sinh ngày 13/10/2017. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai bổ sung và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị thay đổi quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Phạm Thành T1 không có tài sản gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thành T1 khai: Anh và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11 tháng 3 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại xóm 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh xác định không còn tình cảm với chị T nên anh đồng ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là cháu Phạm Minh T2, sinh ngày 13/10/2017. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 27/4/2021, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị T và anh T1 cư trú thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh T1 chung sống cùng nhau tại xóm 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống chị T và anh T1 hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ

chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã, to tiếng. Hiện tại chị T và anh T1 đã sống ly thân nhau mỗi người sống một nơi.

Tại biên bản xác minh ngày 14/6/2021 ông Phạm Văn L là bố đẻ của anh Phạm Thành T1 cung cấp: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11 tháng 3 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ tại xóm 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị T và anh T1 vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa theo đúng quy định.

- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Thành T1. Giao con chung Phạm Minh T2, sinh ngày 13/10/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền xét xử của Tòa án:** Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thành T1 có địa chỉ tại xóm 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- **Về việc xét xử vắng mặt đương sự:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên chị T và anh T1 đều vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ, phù hợp quy định tại các điểm a,b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Thành T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11 tháng 3 năm 2015. Do vậy hôn nhân của chị Lê Thị T và anh Phạm Thành T1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống chị T và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh T1 và chị T đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1, anh T1 cũng xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đồng ý ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân của chị T và anh T1 đã ở mức độ mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Thành T1 có một con chung là Phạm Minh T2, sinh ngày 13/10/2017. Hiện cháu Trung có sức khỏe tốt và đang ở cùng ông bà nội tại xóm 4, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị T có quan điểm đề nghị giao con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên nhưng sau đó chị T thay đổi quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quan điểm do hiện nay anh đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại anh T1 đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T có đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc giáo dục con

chung. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cháu Phạm Minh T2 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Thành T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Phạm Thành T1.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Minh T2, sinh ngày 13/10/2017 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Phạm Thành T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có

quyền , nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0001771 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Phạm Thành T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Q;
- CCTHADS TX Q;
- UBND xã L;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Công Mười

